

Bản án số: 17/2024/DS-ST  
Ngày: 19-9-2024  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Hưng;  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Dũng; ông Trương Sơn Lạng;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện LẮk, tỉnh ĐẮk LẮk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LẮk tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LẮk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 26/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-DS về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ: buôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh ĐẮk LẮk; có mặt;

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị C; cùng địa chỉ: buôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh ĐẮk LẮk; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Ngày 06/5/2021, ông Nguyễn Văn T có đến nhà bà L “mượn” số tiền 25.000.000 đồng; do trước đó vợ chồng ông T, bà C còn nợ 10.000.000 đồng nên hai bên viết giấy nợ 02 lần là 35.000.000 đồng, có chữ ký, chữ viết xác nhận của ông T. Đến ngày 22/6/2021, bà Lê Thị C tiếp tục đến nhà bà L mượn thêm 10.000.000 đồng, có chữ ký, chữ viết xác nhận của bà C vào dưới phần xác nhận của ông T; tổng cộng là 45.000.000 đồng. Đến ngày 07/8/2021, bà C trả được 5.000.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng.

Bà L yêu cầu ông T, bà C trả nợ gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật với lãi suất 20%/năm kể từ ngày 07/8/2021 (ngày bà C trả nợ 5.000.000 đồng) cho đến ngày xét xử là 24.000.000 đồng.

*Ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị C vắng mặt tại phiên tòa nhưng trình bày trong bản tự khai, phiên họp hòa giải như sau:*

Ông, bà thừa nhận khoản vay 25.000.000 đồng vào ngày 06/5/2021. Đối với số tiền ghi thêm là “cộng 10.000.000 đồng”, không phải là tiền nợ vay mà là tiền nợ do mua bảo hiểm năm 2019; khi đó, bà L có tư vấn cho vợ chồng ông T, bà C mua bảo hiểm nhân thọ, phí đóng hằng năm là 28.500.000 đồng; ông T, bà C đồng ý mua, bà L cho mượn tiền đóng phí năm đầu là 28.500.000 đồng; sau đó vợ chồng ông T đã trả được 10.000.000 đồng, đến ngày 07/8/2021 bà C trả thêm 5.000.000 đồng nên còn nợ lại 10.000.000 đồng.

Đối với khoản nợ 10.000.000 đồng ngày 22/6/2021 có chữ “C” chữ viết “Lê Thị C” bà C, ông T đều xác định không có khoản vay nợ này; chữ ký, chữ viết không phải do bà C viết ra. Mặc dù kết quả giám định đã kết luận chữ ký, chữ viết mang tên Lê Thị C trong giấy vay tiền là do bà C ký và viết ra nhưng bà C không đồng ý với kết luận trên vì cho rằng mình không vay, không ký vào giấy nợ. Bà C không có yêu cầu giám định lại đối với giấy vay có khoản nợ 10.000.000 đồng trên.

Ông T, bà C chỉ đồng ý trả 02 khoản nợ là 35.000.000 đồng nhưng với điều kiện bà L phải bồi thường thiệt hại do tư vấn bảo hiểm sai cho ông T, bà C là 100.000.000 đồng đã đóng phí bảo hiểm và tiền lãi 25.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc phát biểu:

Quá trình tố tụng, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên phải hoãn phiên tòa, nay tiếp tục vắng mặt phiên tòa lần 2, Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử :

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L; buộc bà Nguyễn Văn T, Lê Thị C phải trả bà L số tiền nợ vay là 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về yêu cầu tính lãi là 24.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ Luật dân sự.

2. Về chi phí giám định: Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị C phải chịu chi phí giám định là 4.860.000 đồng; số tiền này được hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị L.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị C phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch là  $40.000.000 \times 5\% = 2.000.000$  đồng.

Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự theo giá ngạch đối với phần yêu cầu tính lãi không được chấp nhận là  $24.000.000 \times 5\% = 1.200.000$  đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.600.000 đồng theo biên lai số AA/2022/0003955

ngày 14/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lăk; nguyên đơn còn được hoàn trả lại 400.000 đồng.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay; bị đơn cư trú tại huyện L; do đó xác định tranh chấp giữa các bên phát sinh trong quan hệ vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lăk theo khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T, bà C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 là thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về chứng cứ: bà L cung cấp văn bản ghi nợ bằng giấy kẻ ngang thể hiện các khoản nợ như sau:

Ở dòng thứ nhất ghi “Ngày 6/5/2021”, dòng thứ 3 ghi: “ông T mượn 25.000.000 đồng + 10.000.000 đồng; dòng thứ tư ghi: “nợ cũ” ở cuối dòng, phía bên trái, dưới dòng thứ 3 ngay dưới nội dung +10.000.000 đ; dòng thứ 5 ghi: “(Ba lăm triệu chẵn)” chữ Ba có nét sửa từ “Hai” cuối dòng ghi “ + 220.000 đ”; dòng thứ 6 là chữ ký tên “Thuần” ngay dưới “(Ba lăm triệu chẵn)” cuối dòng ghi “Tiền phụ nữ”; dòng thứ 7 ngay dưới chỗ ký tên là viết tên “Nguyễn Văn T”;

Theo những nội dung trên, các bên đều thừa nhận khoản vay 25.000.000 đồng ngày 06/5/2021 và nợ cũ 10.000.000 đồng là đúng sự thật, chỉ khác nhau về nguồn gốc, mục đích của khoản nợ cũ 10.000.000 đồng.

Tiếp đến, dòng thứ 8 ghi “Ngày 22/6/2021”; dòng thứ 10 ghi “C mượn 10.000.000 đồng làm bìa đồ” có ký tên “Châu” và viết tên “Lê Thị C” ở dòng thứ 14,15; dòng thứ 17 ghi “Châu trả 5000,000đ ngày 7/8/2021”; dòng thứ 19 ghi: “Châu mượn 2 cây tây đô” ; sau đó các dòng bỏ trống.

Về chữ ký tên C, chữ viết họ tên Lê Thị C mặc dù bà C không thừa nhận nhưng theo Kết luận giám định chữ ký chữ viết của Phòng giám định kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ so với mẫu chữ ký, chữ viết bà C cung cấp làm mẫu so sánh đều là do một người viết ra. Như vậy, việc bà C có vay 10.000.000 đồng ngày 22/6/2021 và ngày 07/8/2021, bà C đã trả 5.000.000 đồng là có thật

Các khoản tiền “220.000 tiền phụ nữ”; “C mượn 2 cây tây đô” không thuộc phạm vi yêu cầu khởi kiện nên Tòa án không xem xét.

Như vậy, xác định được ông T bà C còn nợ vay của bà L  $10.000.000 + 25.000.000 + 10.000.000 - 5.000.000 = 40.000.000$  đồng.

Về yêu cầu tính lãi: nội dung thỏa thuận về lãi, lãi suất, thời hạn trả nợ, sự kiện bên cho vay đã yêu cầu bên vay trả nợ chỉ là ý kiến của bên cho vay, bên vay không thừa nhận; giấy tờ ghi nhận nợ của các bên không thể hiện việc thỏa thuận lãi, lãi suất, thời hạn trả nợ, thời điểm yêu cầu trả nợ nên đây là trường hợp vay không kỳ hạn, không lãi quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự. Về trách nhiệm do chậm thực hiện

nghĩa vụ trả nợ, bà L cũng không chứng minh được thời điểm bên cho vay đã yêu cầu bên vay trả nợ trước một khoảng thời gian hợp lý. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi là 24.000.000 đồng và lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên không có cơ sở để xem xét, chấp nhận.

Việc ông T, bà C đưa ra điều kiện bà L phải bồi thường do tư vấn bảo hiểm không đúng dẫn đến thiệt hại cho ông T, bà C là 100.000.000 đồng phí bảo hiểm nhân thọ và lãi phát sinh là 25.000.000 đồng; Tòa án đã giải thích trong phiên hòa giải: trước hết phải có đơn khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại do tư vấn bảo hiểm sai và đây là quan hệ pháp luật liên quan đến hợp đồng bảo hiểm nhân thọ sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác; do đó, không có cơ sở để chấp nhận điều kiện này khi xác định trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay của bên vay.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Văn T, Lê Thị C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay là 40.000.000 đồng nên yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L là có cơ sở.

[3] Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: do bị đơn không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy tờ thể hiện việc vay nợ dẫn đến nguyên đơn phải trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết với chi phí là 4.860.000 đồng; kết quả giám định chứng minh yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên bị đơn phải chịu chi phí giám định nêu trên và phải hoàn trả lại cho người đã tạm ứng chi phí giám định là bên nguyên đơn theo quy định tại khoản 4 Điều 161, khoản 1 Điều 162 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch là  $40.000.000 \times 5\% = 2.000.000$  đồng.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự theo giá ngạch đối với phần yêu cầu tính lãi không được chấp nhận là  $24.000.000 \times 5\% = 1.200.000$  đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.600.000 đồng theo biên lai số AA/2022/0003955 ngày 14/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lăk; nguyên đơn còn được hoàn trả lại 400.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 4 Điều 161, khoản 1 Điều 162, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ Luật dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L; buộc ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị C phải trả bà L số tiền nợ vay là 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về yêu cầu tính lãi là 24.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ Luật dân sự.

2. Về chi phí giám định: Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị C phải chịu chi phí giám định là 4.860.000 đồng; số tiền này được hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị L.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị C phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch là  $40.000.000 \times 5\% = 2.000.000$  đồng.

Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự theo giá ngạch đối với phần yêu cầu tính lãi không được chấp nhận là  $24.000.000 \times 5\% = 1.200.000$  đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.600.000 đồng theo biên lai số AA/2022/0003955 ngày 14/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lắk; nguyên đơn còn được hoàn trả lại 400.000 đồng.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND H. Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS H. Lắk;
- TAND tỉnh (P. GĐKT);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Bùi Văn Hưng**